

Số: /2014/CV-WSS

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2014

## BÁO CÁO

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Quý 2 năm 2014 so với Quý 2 năm 2013)

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2014 lập ngày 10/07/2013 của Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall. Nay chúng tôi xin cung cấp số liệu và giải trình về việc số liệu kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm ngoái như sau:

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH Quý I năm 2014 so với Quý I năm 2013

| Chi tiêu  | Mã số | TM | Quý 2            |                | Chênh lệch       |
|---|-------|----|------------------|----------------|------------------|
|   |       |    | Năm 2014         | Năm 2013       |                  |
| 1   | 2     | 3  | 4                | 5              | 6                |
| 1. Doanh thu trong đó:                                | 01    |    | 8 223 504 062    | 12 616 315 777 | - 4 392 811 715  |
| - Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán            | 01.1  |    | 1 756 581 396    | 1 066 081 562  | 690 499 834      |
| - Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn     | 01.2  |    | 1 974 401 882    |                | 1 974 401 882    |
| - Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán            | 01.3  |    |                  |                |                  |
| - Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán              | 01.4  |    |                  |                |                  |
| - Doanh thu hoạt động tư vấn                          | 01.5  |    | 264 818 183      | 1 039 090 909  | - 774 272 726    |
| - Doanh thu lưu ký chứng khoán                        | 01.6  |    | 150 000          | 570 000        | - 420 000        |
| - Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá                 | 01.7  |    |                  |                |                  |
| - Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản                  | 01.8  |    |                  |                |                  |
| - Doanh thu khác                                      | 01.9  |    | 4 227 552 601    | 10 510 573 306 | - 6 283 020 705  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                       | 02    |    |                  |                |                  |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02) | 10    |    | 8 223 504 062    | 12 616 315 777 | - 4 392 811 715  |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh                       | 11    |    | 21 403 352 864   | 10 453 148 070 | 10 950 204 794   |
| 5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)  | 20    |    | - 13 179 848 802 | 2 163 167 707  | - 15 343 016 509 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 25    |    | 2 403 673 697    | 2 699 629 413  | - 295 955 716    |



|   |    |      |                     |               |                  |
|---|----|------|---------------------|---------------|------------------|
| 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25) | 30 |      | - 15 583 522<br>499 | - 536 461 706 | - 15 047 060 793 |
| 8. Thu nhập khác                                      | 31 |      | 4 131 969 367       | 3 420 540     | 4 128 548 827    |
| 9. Chi phí khác                                       | 32 |      |                     | 30            | - 30             |
| 10. Lợi nhuận khác (40=31-32)                         | 40 |      | 4 131 969 367       | 3 420 510     | 4 128 548 857    |
| 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)      | 50 |      | - 11 451 553<br>132 | - 533 041 196 | - 10 918 511 936 |
| 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành                       | 51 | VI.1 |                     |               |                  |
| 13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                        | 52 | VI.2 |                     |               |                  |
| 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)             | 60 |      | - 11 451 553<br>132 | - 533 041 196 | - 10 918 511 936 |
| 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                          | 70 |      | (228)               | (11)          | - 217            |

Nguyên nhân có kết quả chênh lệch trên chủ yếu là do:

- Quý 2/2014 doanh thu từ hoạt động môi giới cao hơn so với cùng kỳ năm 2013 là do năm 2014 thị trường chứng khoán đã sôi động hơn và ổn định hơn năm 2013, Công ty cũng đẩy mạnh việc tìm kiếm khách hàng mới và có nhiều chính sách ưu đãi để khuyến khích khách hàng giao dịch.
- Quý 2/2014 Công ty có thực hiện giao dịch tự doanh và mang lại lợi nhuận
- Quý 02 năm 2014 Công ty có một số hợp đồng tư vấn lớn đang trong giai đoạn thực hiện chưa ghi nhận vào doanh thu vì vậy doanh thu trong lĩnh vực tư vấn ghi nhận không đáng kể
- Lãi suất tiền gửi quý 2 năm 2014 giảm so với quý 2 năm 2013, vì vậy doanh thu từ lãi tiền gửi giảm
- Quý 02/2014 Công ty tăng quy mô đầu tư tự doanh, giá cổ phiếu trong quý 2 bị sụt giảm khá mạnh do thị trường không có nhiều thông tin hỗ trợ cộng thêm sự bất ổn trên biển đông khiến Công ty mất một khoản lớn chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán.

Vậy Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall xin báo cáo đề Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC-NS, PC và QTRR.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN  
**PHỐ WALL**  
 SỐNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI  
**Nguyễn Viết Thắng**